

Số: 55/2022/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Mã chứng khoán: SGT

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp,
Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3715 9909

Fax: 028.5437 1074

Email: info@saigontel.vn

Website: www.saigontel.vn

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022

Ngày 15/04/2022, Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã tiến hành thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Đính kèm Công văn này là Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty và các tài liệu kèm theo

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn www.saigontel.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 16/04/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BB và NQ ĐHĐCD thường niên năm 2022
- Các báo cáo và tờ trình tại đại hội

Đại diện tổ chức 
Người được ủy quyền CBTT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cẩm Phương

Số: ~~01~~ /2022/DHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy CN ĐKDN số: 0302615063 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 01 năm 2022.

Vào lúc ... giờ 00 phút, ngày 15 tháng 04 năm 2022, tại Khách sạn Rex (Rex Hotel) - 141 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn đã tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 (sau đây viết tắt là "ĐHĐCĐ" hoặc "Đại hội").

PHẦN I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thành phần tham dự¹

- Các cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn.
- Đại biểu mời tham dự: Các ông/bà là cán bộ, nhân viên đại diện cho các phòng ban chuyên môn, Ban Lãnh đạo của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn về dự Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Lê Thị Cẩm Hương – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: Tại thời điểm 09 giờ 04 phút ngày 15/04/2022, số lượng cổ đông tham dự như sau:

- Số lượng cổ đông tham dự: 59 cổ đông
- Số lượng đại biểu ủy quyền: 22 cổ đông
- Đại diện cho 61,889,758 phiếu biểu quyết chiếm 83.633% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

¹ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn đã thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 143, Điều 144, Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn thì cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 của Công ty đảm bảo đủ điều kiện tiến hành.

3. BẦU ĐOÀN CHỦ TỌA, BAN THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU TẠI ĐHDCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tại thời điểm tiến hành bầu Đoàn Chủ Tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại ĐHDCĐ thường niên năm 2022 là 09 giờ 40 phút, số lượng cổ đông tham dự tại Đại hội cập nhật như sau:

- Số lượng cổ đông tham dự: 65 cổ đông
- Số lượng đại biểu ủy quyền: 23 cổ đông
- Đại diện cho 61,901,947 phiếu biểu quyết chiếm 83.6495% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Đại hội tiến hành bỏ phiếu thông qua các nội dung sau:

a. Đoàn Chủ Tọa Đại hội

- | | |
|---------------------------|--------------------------------|
| - Ông Đặng Thành Tâm | - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa |
| - Bà Nguyễn Cẩm Phương | - Thành viên HĐQT – Thành viên |
| - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh | - Thành viên HĐQT – Thành viên |
| - Bà Hồ Thị Kim Oanh | - Thành viên HĐQT – Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | - Thành viên HĐQT – Thành viên |
| - Ông Nguyễn Thanh Thái | - Thành viên HĐQT – Thành viên |

b. Ban Thư ký Đại hội

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh | - Trưởng ban |
| - Bà Cao Nữ Ngọc Dung | - Thành viên |
| - Bà Lê Nhật Phương Linh | - Thành viên |

c. Ban kiểm phiếu

- | | |
|------------------------|--------------|
| - Bà Phạm Thị Cẩm Vân | - Trưởng ban |
| - Bà Trần Thị Kim Hằng | - Thành viên |
| - Ông Phạm Trung Hiếu | - Thành viên |

Thành phần Đoàn Chủ Tọa, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu được Đại hội thống nhất thông qua với kết quả:

- Số lượng phiếu phát ra: 65 phiếu
- Số lượng phiếu hợp lệ thu về: 64 phiếu. Số lượng cổ phần là 61,897.547 tương đương 99.9929% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số lượng phiếu tán thành: 64 phiếu. Số lượng cổ phần là 61,897.547 tương đương 99.9929% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua Chương trình hợp ĐHĐCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Bà Trần Ngọc Đan Trinh phổ biến Chương trình hợp ĐHĐCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu với kết quả như sau:

Nội dung	Số lượng phiếu phát ra	Số lượng phiếu hợp lệ thu về	Số lượng phiếu tán thành	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Thông qua chương trình hợp ĐHĐCĐ	65	64	64	61,897,547	99.9929%
Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ	65	64	64	61,897,547	99.9929%

Sau khi thông qua các nội dung trên, Đoàn Chủ tọa điều hành Đại hội theo Chương trình đã được Đại hội thông qua bao gồm các nội dung:

- 1- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- 2- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022;
- 3- Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- 4- Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tín học TP. Hồ Chí Minh (AISC);
- 5- Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022;
- 6- Phương án tăng vốn điều lệ Công ty;
- 7- Thay đổi ngành, nghề kinh doanh;
- 8- Các vấn đề khác (nếu có).

PHẦN II – NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO

1. **Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022**
 - ❖ Người báo cáo: Ông Đặng Thành Tâm – Chủ tịch HĐQT
 - ❖ Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
2. **Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021**
 - ❖ Người báo cáo: Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tài chính
 - ❖ Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
3. **Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kế hoạch kinh doanh năm 2022**
 - ❖ Người báo cáo: Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
 - ❖ Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
4. **Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022**
 - ❖ Người báo cáo: Bà Lê Thị Kim Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát
 - ❖ Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
5. **Trình bày các tờ trình Đại hội đồng cổ đông**
 - ❖ Người báo cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Thành viên HĐQT
 - ❖ Nội dung chi tiết:
 - a. **Các Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)**

Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website: <http://www.saigontel.vn> ngày 25/03/2022 bao gồm:

 - (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
 - (2) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
 - (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
 - (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;

(5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(6) Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	4,365,182,517,771
2	Vốn chủ sở hữu	832,835,746,132
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	92,819,706,132
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	510,587,622,104
4	Tổng chi phí ^(*)	428,028,334,144
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	82,559,287,960
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68,024,552,600

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	4,416,748,260,555
2	Vốn chủ sở hữu	1,042,526,406,984
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	92,436,592,726
2.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	210,073,774,258
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	710,545,724,992
4	Tổng chi phí^(*)	626,742,300,727
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	84,745,343,672
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69,813,439,132

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

b. Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
- (2) Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- (4) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- (5) Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- (6) Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- (7) Công ty TNHH Kiểm toán KPMG;
- (8) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte).

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

c. Phương án chi trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát của công ty:

HDQT báo cáo và trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

- (1) Tổng chi trả thù lao HDQT, BKS năm 2021: 873,000,000 đồng – trong hạn mức 1,200,000,000 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua
- (2) Kế hoạch chi trả thù lao HDQT, BKS và các Tiểu ban thuộc HDQT năm 2022 dự kiến:
 - Tổng chi phí thù lao HDQT và BKS: 1,200,000,000 đồng/năm
 - Tổng chi phí thù lao các tiểu ban thuộc HDQT: 500,000,000 đồng/năm

d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

HDQT báo cáo và trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

Tính đến thời điểm 31/12/2021, căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Tổng Doanh thu năm 2021	710,545,724,992 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	69,813,439,132 đồng
<i>Trong đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>68,276,045,666 đồng</i>

Theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ:

Tổng Doanh thu năm 2021	510,587,622,104 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	68,024,552,600 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021	92,819,706,132 đồng

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của SGT hầu hết dựa vào năng lực tài chính nội tại của doanh nghiệp và từng bước đưa SGT từ lỗ lũy kế hơn 300 tỷ vào năm 2013 đến hết năm 2021 đã có lợi nhuận lũy kế hơn 92 tỷ. Để tiếp tục phát triển, hiện SAIGONTEL đã và đang triển khai rất nhiều các dự án nên nhu cầu vốn trong năm 2022 là rất lớn.

Vì vậy, HDQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận tích lũy chưa phân phối để tái đầu tư, bổ sung vào vốn lưu động cho Công ty và ủy quyền cho HDQT quyết định việc sử dụng nguồn lợi nhuận tích lũy chưa phân phối trên vào các kế hoạch thanh toán nợ, đầu tư, kinh doanh tùy vào từng thời điểm nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

e. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh:

❖ Bỏ các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	Lý do bỏ
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật

		Đầu tư số 61/2020/QH14
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn; Bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hoá lỏng (Không hoạt động tại trụ sở)	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
7912	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
0220	Khai thác gỗ	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14

❖ Sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải). - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển;	Thêm chi tiết (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
	- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	Thêm chi tiết trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải
4912	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	Thêm phần chi tiết trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và	Thêm phần chi tiết trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
	<p><i>dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i></p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyên chở đặc 	<p><i>chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i></p>
5022	<p>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khi để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p>	<p>Thêm phần chi tiết trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</p>
6312	<p>Cổng thông tin <i>(trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức)</i></p> <p>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.</p>	<p>Thêm phần chi tiết trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức</p>
4311	<p>Phá dỡ <i>(trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)</i></p>	<p>Thêm phần chi tiết trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ</p>
4312	<p>Chuẩn bị mặt bằng <i>(không sử dụng mìn, thuốc nổ)</i></p>	<p>Thêm phần chi tiết không sử dụng mìn, thuốc nổ</p>

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	Thêm phần chi tiết trừ động vật quý hiếm
3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	Thêm phần chi tiết không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình
3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	Thêm phần chi tiết không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	Thêm phần chi tiết trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải

- ❖ Sửa đổi nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn liên quan đến việc bỏ và sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh như trên.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
-----	----------------------------	---------------------------

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)	1104
2	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).	1820
3	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
4	Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế	5320
5	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5630
7	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
8	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ	6190

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng)	
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
12	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
13	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
14	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
16	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.	4651
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin -	4652 (Chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.	
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.	4659
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
21	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
22	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9511
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9512
24	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)	6499

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
25	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	6810
27	Quảng cáo	7310
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
33	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
34	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở)	
35	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
36	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
37	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
38	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
39	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
40	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
41	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
42	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
43	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
44	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
45	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
46	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
47	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
48	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở)	
49	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
50	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
51	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
52	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
53	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
55	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
57	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
58	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
59	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
60	Dịch vụ đóng gói	8292
61	Đào tạo sơ cấp	8531
62	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
63	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
64	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
65	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
66	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
67	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110
68	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69	Cho thuê xe có động cơ	7710
70	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
72	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
73	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
74	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
75	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở)	
76	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
77	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
80	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
81	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82	Đại lý du lịch	7911
83	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
85	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512
86	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ	3700

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	sinh;	
87	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
88	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
89	Tái chế phế liệu	3830
90	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
91	Xây dựng nhà để ở	4101
92	Xây dựng nhà không để ở	4102
93	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
96	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	4299
99	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).	5229



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	
100	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5012
101	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4912
102	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường	4933

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	- Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đặc	
103	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5022
104	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
105	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)	4311
106	Chuẩn bị mặt bằng (không sử dụng mìn, thuốc nổ)	4312
107	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	4620
108	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3811
109	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3812
110	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4610

- ❖ ĐHĐCĐ giao cho Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ đến trước ngày 30/06/2022.
 - ❖ Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được quyền sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với kết quả hồ sơ đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh được Sứ Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh chấp thuận.
- f. Điều chỉnh một số nội dung tại phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi phương án chào bán riêng lẻ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:
- ❖ Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi điều chỉnh:
- Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
5.	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	740.019.140.000 đồng
6.	Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>) Trong đó: <i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu);</i> <i>Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).</i>
7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	Tối đa 74.001.604 cổ phiếu
8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (<i>theo mệnh giá</i>)	:	Tối đa 740.016.040.000 đồng

9.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới)
10.	Đối tượng chào bán	:	Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thực hiện phương án chào bán và triển khai phương án chào bán thành công.
11.	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
12.	Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có)	:	Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ (i) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc (ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.
13.	Chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).
14.	Hạn chế chuyển nhượng	:	Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
15.	Phương án đảm bảo	:	Chỉ phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân

	đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	bổ quyền họ được mua; Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước; Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài; HĐQT có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.
16.	Thời gian thực hiện	: Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong quý II/2022 & quý III/2022.

• **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	40.016.040.000
2	Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty	700.000.000.000
Tổng cộng		740.016.040.000

• **Uỷ quyền cho Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu trên bao gồm:

- Quyết định chi tiết nội dung phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty và báo cáo ĐHDCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan về mục đích, phương án sử dụng vốn này (nếu có).
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phần sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi Giấy phép hoạt động, sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành theo phương án ở trên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ

• Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
5.	Số lượng cổ phiếu đang niêm yết (tại thời điểm ĐHĐCD thông qua phương án)	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>)
			Trong đó
			Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu</i>)
			Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (<i>Ba trăm mười cổ phiếu</i>)
6.	Phương thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
7.	Mục đích chào bán	:	Việc chào bán cổ phần phổ thông của Công ty là cần thiết nhằm giúp Công ty có thêm nguồn vốn để: <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; - Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty; - Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào

		công ty con, công ty liên doanh, liên kết. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và triển khai phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp mục đích chào bán được phê duyệt.
8.	Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 100.000.000 cổ phiếu (Một trăm triệu cổ phiếu), tương ứng 67,56% tổng số cổ phiếu lưu hành (tối đa tại thời điểm sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu).
9.	Tổng giá trị cổ phần chào bán (theo mệnh giá)	: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
10.	Nguyên tắc xác định giá chào bán	: Căn cứ vào điều kiện hạn chế chuyển nhượng với nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ năm 2022, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá chào bán cụ thể căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.
11.	Đối tượng chào bán	: Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Không được là công ty con của SGT.
12.	Số lượng nhà đầu tư	: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
13.	Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính, mong muốn gắn bó và phát triển cùng SGT và đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.	Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến)	: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng. HĐQT được quyền chủ động điều chỉnh danh sách nhà đầu tư tùy theo tình hình thực tế đàm phán và khả năng từng thời điểm của các nhà đầu tư.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án và lựa chọn nhà đầu tư phù hợp để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong thời điểm chào bán.
16.	Hạn chế chuyển nhượng	: Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 36 tháng đối với nhà đầu tư chiến lược và là 12 tháng đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.
17.	Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết	: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.
18.	Thời gian thực hiện dự kiến	: Trong năm 2022, sau khi kết thúc đợt chào bán tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm tối đa lợi ích cho cổ đông và Công ty

19.	Sửa đổi Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc sửa đổi mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả của đợt chào bán. Thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật hiện hành
20.	Phê duyệt liên quan đến thay đổi số lượng cổ phần lưu hành của Công ty	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc đề nghị thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), để đăng ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán. Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

❖ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Quyết định giá chào bán, thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật.

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (nếu có chào bán cho các đối tượng này) theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc chào bán theo phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.



PHẦN III – KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Căn cứ thông báo của Ban kiểm phiếu, tính đến trước thời điểm biểu quyết vào lúc 11 giờ 22 phút ngày 15/04/2022, số lượng cổ đông tham dự Đại hội là 89 cổ đông, trong đó số cổ đông được ủy quyền là 35 cổ đông, đại diện 61,903,447 cổ phần, chiếm 83.6515% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu phát ra: 89 đại diện cho 61,903,447 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không thu về: 19 đại diện cho 136,388 cổ phần, chiếm 0.2203% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu thu về: 70 đại diện cho 61,767,059 cổ phần, chiếm 99.7797% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
 - o Số phiếu hợp lệ: 67 đại diện cho 61,767,037 cổ phần, chiếm 99.7796% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
 - o Số phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho 22 cổ phần, chiếm 0.0001% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp

Kết quả biểu quyết tại đại hội cho từng vấn đề như sau:

Vấn đề	Nội dung	Tán thành			Không tán thành			Không có ý kiến		
		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022	66	61,766,758	99.7792%	-	-	0.0000%	1	279	0.0005%
2	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%
3	Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%

Vấn đề	Nội dung	Tán thành			Không tán thành			Không có ý kiến		
		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022									
4	Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC)	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%
5	Phương án lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2022	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%
6	Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và các Tiểu ban thuộc HĐQT của Công ty	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%
7	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế	67	61,767,037	99.7796%	-	-	0.0000%	-	-	0.0000%
8	Thay đổi ngành, nghề kinh doanh	66	61,766,987	99.7796%	1	50	0.0001%	-	-	0.0000%
9	Phương án tiếp tục chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện và thay đổi phương án chào bán riêng lẻ	66	61,766,758	99.7792%	-	-	0.000%	1	279	0.0005%

Như vậy, với tỷ lệ đồng ý như trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty toàn bộ các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ đã được Đại hội thông qua.

PHẦN V – NỘI DUNG THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

Căn cứ kết quả biểu quyết và kiểm phiếu Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 thống nhất những nội dung sau:

1. Thông qua nhân sự Đoàn Chủ Tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu;
2. Thông qua Chương trình họp ĐHĐCD;
3. Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCD thường niên năm 2022;
4. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
5. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022;
6. Thông qua Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
7. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC);
8. Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022;
9. Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Tiểu ban thuộc HĐQT của Công ty;
10. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế.
11. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh;
12. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty;

Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh - Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 15/04/2022.

Căn cứ thông báo của Ban kiểm phiếu, tính đến trước thời điểm biểu quyết vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 15/04/2022, số lượng cổ đông tham dự Đại hội là 91 cổ đông, trong đó số cổ đông được ủy quyền là 37 cổ đông, đại diện 61,903,467 cổ phần, chiếm 83.6515% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu phát ra: 91 đại diện cho 61,903,467 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không thu về: 2 đại diện cho 134,400 cổ phần, chiếm 0.2171% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp

- Tổng số phiếu thu về: 89 đại diện cho 61,769,067 cổ phần, chiếm 99.7829% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp

Kết quả biểu quyết tại đại hội như sau:**Nội dung 01:** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tổng số phiếu tán thành: 89 đại diện cho 61,769,067 phiếu biểu quyết, chiếm 99.7829% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Nội dung 02: Nghị quyết 01 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tổng số phiếu tán thành: 89 đại diện cho 61,769,067 phiếu biểu quyết, chiếm 99.7829% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp..
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Nội dung 03: Nghị quyết 02 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tổng số phiếu tán thành: 89 đại diện cho 61,769,067 phiếu biểu quyết, chiếm 99.7829% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp..
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Nội dung 04: Nghị quyết 03 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tổng số phiếu tán thành: 89 đại diện cho 61,769,067 phiếu biểu quyết, chiếm 99.7829% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Biên bản này được lập vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 15/04/2022.

CHỦ TỌA



DẶNG THÀNH TÂM

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TRƯỞNG BAN

THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN

LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH

CAO NỮ NGỌC DUNG

LÊ NHẬT PHƯƠNG LINH



Số: 01./2022/DHDCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT 01

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 ngày 15 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thông qua Chương trình họp ĐHDCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHDCĐ thường niên năm 2022

Nội dung chi tiết theo Chương trình họp ĐHDCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHDCĐ thường niên năm 2022 - đính kèm.

ĐIỀU 2: Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 4: Thông qua Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 5: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 của Ban Kiểm toán nội bộ

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 6: Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) tiến hành kiểm toán theo



đúng chuẩn mực quy định và đã được Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website: <http://www.saigontel.vn> từ 25/03/2022 bao gồm:

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- (6) Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm tài chính 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	4,365,182,517,771
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	832,835,746,132
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	92,819,706,132
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	510,587,622,104
4	Tổng chi phí ^(*)	428,028,334,144
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	82,559,287,960
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68,024,552,600

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm tài chính 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	4,416,748,260,555

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	1,042,526,406,984
2.1	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	740,019,140,000
2.2	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(3,100,000)
2.3	<i>Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</i>	92,436,592,726
2.4	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	210,073,774,258
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	710,545,724,992
4	Tổng chi phí^(*)	626,742,300,727
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	84,745,343,672
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69,813,439,132

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

ĐIỀU 7: Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022:

Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- i. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
- ii. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- iii. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- iv. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- v. Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- vi. Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- vii. Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.
- viii. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

ĐIỀU 8: Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, ban kiểm soát của công ty

Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021: 873,000,000 đồng – trong hạn mức 1,200,000,000 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua

Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và các Tiểu ban thuộc HĐQT năm 2022 dự kiến:

- Tổng chi phí thù lao HĐQT và BKS: 1,200,000,000 đồng/năm
- Tổng chi phí thù lao các tiểu ban thuộc HĐQT: 500,000,000 đồng/năm

ĐIỀU 9: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế

Tính đến thời điểm 31/12/2021, căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Tổng Doanh thu năm 2021	710,545,724,992 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	69,813,439,132 đồng
<i>Trong đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>68,276,045,666 đồng</i>

Theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ:

Tổng Doanh thu năm 2021	510,587,622,104 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	68,024,552,600 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021	92,819,706,132 đồng

Thông qua Phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận tích lũy chưa phân phối để tái đầu tư, bổ sung vào vốn lưu động cho Công ty và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc sử dụng nguồn lợi nhuận tích lũy chưa phân phối trên vào các kế hoạch thanh toán nợ, đầu tư, kinh doanh tùy vào từng thời điểm nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

ĐIỀU 10: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị Quyết này.

Nghị Quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 04 năm 2022 và ngay sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐANG THÀNH TÂM

Số: *04*/2022/ĐHĐCD-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT 02

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 ngày 15 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thay đổi ngành, nghề kinh doanh:

a. Bỏ các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	Lý do bỏ
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn; Bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hoá lỏng (Không hoạt động tại trụ sở)	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
7912	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
0220	Khai thác gỗ	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14

b. Sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>); - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	Thêm chi tiết (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>)	Thêm chi tiết trừ <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>
4912	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>)	Thêm phần chi tiết trừ <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>) Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyên chở đặc	Thêm phần chi tiết trừ vận tải <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>)
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khi để vận chuyển, <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>)	Thêm phần chi tiết trừ <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>
6312	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	Thêm phần chi tiết trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức
4311	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)	Thêm phần chi tiết trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng (không sử dụng mìn, thuốc nổ)	Thêm phần chi tiết không sử dụng mìn, thuốc nổ
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	Thêm phần chi tiết trừ động vật quý hiếm
3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	Thêm phần chi tiết không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	Thêm phần chi tiết không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	Thêm phần chi tiết trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải

- c. Sửa đổi nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn liên quan đến việc bỏ và sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh như trên.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)	1104
2	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).	1820
3	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
4	Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế	5320

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
5	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5630
7	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
8	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng)	6190
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
12	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
13	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
14	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
16	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.	4651
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin - Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.	4652 (Chính)
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.	4659
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
21	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
22	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9511
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9512
24	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)	6499
25	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622

09/11/2018

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	6810
27	Quảng cáo	7310
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
33	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
34	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
35	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
36	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
37	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
38	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
39	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
40	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
41	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
42	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
43	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
44	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
45	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
46	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
47	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
48	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
49	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
50	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
51	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
52	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
53	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
55	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
57	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
58	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
59	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
60	Dịch vụ đóng gói	8292
61	Đào tạo sơ cấp	8531
62	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
63	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
64	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
65	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
66	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
67	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ. Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110
68	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69	Cho thuê xe có động cơ	7710
70	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
72	Cưa, xé, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
73	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
74	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
75	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
76	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
77	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
80	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
81	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82	Đại lý du lịch	7911
83	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
85	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512
86	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh	3700

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	
87	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
88	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
89	Tái chế phế liệu	3830
90	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
91	Xây dựng nhà để ở	4101
92	Xây dựng nhà không để ở	4102
93	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
96	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	4299
99	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải). - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển;	5229

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	
100	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5012
101	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4912
102	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đặc	4933
103	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5022
104	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
105	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)	4311

11/01/2024

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
106	Chuẩn bị mặt bằng (không sử dụng mìn, thuốc nổ)	4312
107	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	4620
108	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3811
109	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3812
110	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4610

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi có quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông đến trước ngày 30/06/2022.

- d. Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được quyền sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với kết quả hồ sơ đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh chấp thuận.

ĐIỀU 2: Người đại diện theo pháp luật của Công ty - ông Đặng Thành Tâm có trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty, các cổ đông công ty có trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

ĐIỀU 4: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị Quyết này.

Nghị Quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 04 năm 2022 và ngay sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐẶNG THÀNH TÂM



Số: 03./2022/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT 03

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

-----***-----

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 ngày 15 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi phương án chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

1. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi điều chỉnh

1.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần

5.	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	740.019.140.000 đồng
6.	Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>) Trong đó: <i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu);</i> <i>Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).</i>
7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	Tối đa 74.001.604 cổ phiếu
8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (<i>theo mệnh giá</i>)	:	Tối đa 740.016.040.000 đồng
9.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới)
10.	Đối tượng chào bán	:	Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thực hiện phương án chào bán và triển khai phương án chào bán thành công.
11.	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
12.	Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có)	:	Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ (i) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc

		(ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.
13.	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).
14.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Chỉ phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua; Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước; Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài; HĐQT có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.
16.	Thời gian thực hiện	Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong quý II/2022 & quý III/2022.

1.2 Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	40.016.040.000

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)
2	Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty	700.000.000.000
Tổng cộng		740.016.040.000

1.3 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu trên bao gồm:

- Quyết định chi tiết nội dung phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan về mục đích, phương án sử dụng vốn này (nếu có).
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phần sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi Giấy phép hoạt động, sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành theo phương án ở trên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật;

2. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ sau khi thay đổi

2.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
5.	Số lượng cổ phiếu đang niêm yết (tại thời điểm)	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>)

	ĐHĐCĐ thông qua phương án)	Trong đó Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu</i>) Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (<i>Ba trăm mười cổ phiếu</i>)
6.	Phương thức chào bán	: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
7.	Mục đích chào bán	: Việc chào bán cổ phần phổ thông của Công ty là cần thiết nhằm giúp Công ty có thêm nguồn vốn để: <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; - Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty; - Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và triển khai phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp mục đích chào bán được phê duyệt.
8.	Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 100.000.000 cổ phiếu (Một trăm triệu cổ phiếu), tương ứng 67,56% tổng số cổ phiếu lưu hành (tối đa tại thời điểm sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu).
9.	Tổng giá trị cổ phần chào bán (theo mệnh giá)	: 1.000.000.000.000 đồng (<i>Một nghìn tỷ đồng</i>)
10.	Nguyên tắc xác định giá chào bán	: Căn cứ vào điều kiện hạn chế chuyển nhượng với nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ năm 2022, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá chào bán cụ thể căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.

11.	Đối tượng chào bán	:	Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Không được là công ty con của SGT.
12.	Số lượng nhà đầu tư	:	Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
13.	Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	:	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính, mong muốn gắn bó và phát triển cùng SGT và đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.
14.	Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến)	:	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng. HĐQT được quyền chủ động điều chỉnh danh sách nhà đầu tư tùy theo tình hình thực tế đàm phán và khả năng từng thời điểm của các nhà đầu tư.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án và lựa chọn nhà đầu tư phù hợp để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong thời điểm chào bán.
16.	Hạn chế chuyển nhượng	:	Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 36 tháng đối với nhà đầu tư chiến lược và là 12 tháng đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách

		nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.
17.	Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết	: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.
18.	Thời gian thực hiện dự kiến	: Trong năm 2022, sau khi kết thúc đợt chào bán tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm tối đa lợi ích cho cổ đông và Công ty
19.	Sửa đổi Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc sửa đổi mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả của đợt chào bán. Thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật hiện hành
20.	Phê duyệt liên quan đến thay đổi số lượng cổ phần lưu hành của Công ty	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc đề nghị thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

		<p>(HSX), để đăng ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

ĐIỀU 2: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Quyết định giá chào bán, thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (nếu có chào bán cho các đối tượng này) theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc chào bán theo phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.

ĐIỀU 3: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị Quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐANG THÀNH TÂM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "SAIGONTEL") diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

a. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của SAIGONTEL diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

b. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu SGT và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên của SAIGONTEL đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của SAIGONTEL.

c. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại Hội
- ĐHĐCĐ/ Đại Hội : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)
- Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCĐ : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên website: www.youtube.com.

d. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

- Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết¹.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại Hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số biểu quyết trở lên.
- Trường hợp Đại Hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại Hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại Hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

¹ Khoản 1 Điều 19 Điều lệ SAIGONTEL.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI:

a. Đại biểu tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2022:

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 18/03/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể tham dự trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Người được ủy quyền tham dự Đại Hội không được ủy quyền tham dự Đại Hội cho người thứ ba tham dự Đại Hội.
- Khi tham dự trực tiếp, đại biểu lưu ý:
 - Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có);
 - Cổ đông tham dự Đại Hội phải có đầy đủ giấy tờ sau:
 - + Thông báo mời họp;
 - + Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu;
 - + Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại Hội, đối với cổ đông là cá nhân phải có chữ ký của cổ đông, đối với cổ đông là pháp nhân/tổ chức phải được đóng dấu ký tên bởi Đại diện hợp pháp của pháp nhân/tổ chức đó).
 - Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại Hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại Hội.
 - Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại Hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại Hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
 - Cổ đông khi vào phòng Đại Hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại Hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
 - Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại Hội. Tất cả các máy điện thoại di động được đề nghị để chế độ tắt hoặc không để chuông.
 - Không hút thuốc lá trong phòng Đại Hội.
 - Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại Hội.

- Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ y tế để hạn chế rủi ro lây nhiễm và đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp hiện nay.

Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại Hội để đảm bảo Đại Hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
 - Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

b. Khách mời tại Đại Hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại Hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại Hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại Hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại Hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại Hội và được Chủ tọa Đại Hội đồng ý*).

c. Chủ tọa Đại Hội:

- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là Chủ Tọa Đại Hội, trường hợp Chủ Tọa Đại Hội không phải là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải được Hội đồng quản trị thông qua trước giờ tổ chức Đại Hội và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp.
- Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.

- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại Hội sau khi kết thúc Đại Hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

d. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại Hội gồm 3 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

Ban Tổ Chức đề cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHĐCĐ như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Cẩm Hương	Trưởng ban
2	Bà Trần Thị Tiểu My	Thành viên
3	Ông Phạm Trung Hiếu	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Nhận giấy tờ của cổ đông, đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự.
 - Phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

e. Ban thư ký Đại Hội:

- Ban thư ký của Đại Hội bao gồm 03 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban
2	Bà Lê Nhật Phương Linh	Thành viên
3	Bà Cao Nữ Ngọc Dung	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;

- Ghi chép BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

f. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên để Đại Hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc biểu quyết trực tuyến (bỏ phiếu điện tử).
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Phạm Thị Cẩm Vân	Trưởng ban
2	Trần Nguyễn Kim Hằng	Thành viên
3	Phạm Trung Hiếu	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại Hội.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Ban thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại Hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

g. Thảo luận tại Đại Hội

❖ Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Khi Đại biểu tham dự trực tiếp tại Đại Hội:

+ Đại biểu có thể điền nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban thư ký Đại Hội. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

+ Hoặc, Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

- Khi Đại biểu tham dự trực tuyến:

+ Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn/> (trước và trong giờ thảo luận);

+ Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

- ❖ Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

h. Biểu quyết thông qua các vấn đề của ĐHĐCĐ:

- ❖ Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại Hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu trực tiếp vào thùng phiếu kín tại ĐHĐCĐ; hoặc bỏ phiếu điện tử.

- Bỏ phiếu trực tiếp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại Hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Bỏ phiếu điện tử: tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn/>.

- ❖ Bỏ phiếu trực tiếp

- Hình thức bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại Hội; Quy chế làm việc tại Đại Hội; Quy chế bầu cử HĐQT, BKS (nếu có); thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại Hội, Nghị quyết Đại Hội và các nội dung khác tại Đại Hội (nếu có);
 - Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022; Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022; Báo cáo hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại Hội.
- Cách thức biểu quyết trực tiếp:
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại Hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết được quy định tại Điều này.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa.
 - + Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.
 - + Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô

minh chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại Hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại Hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết trực tiếp:
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
 - Không có chữ ký và/hoặc không ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Hình thức bỏ phiếu bầu cử trực tiếp (quy định cụ thể tại quy chế bầu cử) (nếu có).
 - ❖ Bỏ phiếu điện tử:
- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại Hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại quy chế bầu cử) (nếu có).
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại Hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại Hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại Hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của Đại Hội.
 - Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:

- Nội dung biểu quyết 01 (gồm Chương trình Đại Hội; Quy chế hướng dẫn tham gia họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử Quy chế làm việc tại Đại Hội; Quy chế bầu cử (nếu có); thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu): Đại biểu thực hiện biểu quyết trước 08h45 ngày 15/04/2022.
- Nội dung biểu quyết 02 (gồm Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022; Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022; Báo cáo hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại Hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết trước 10h00 ngày 15/04/2022.
- Nội dung biểu quyết 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại Hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết trước 11h00 ngày 15/04/2022.

❖ Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 18/03/2022) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 74,001,604 cổ phần tương đương với 74,001,604 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại Hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại Hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại Hội.
- Lưu ý, cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 167, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty).
 - ❖ Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết/bầu cử.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại Hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

III. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của SAIGONTEL biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐANG THÀNH TÂM

1.C.P * M.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa : Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.

Hội đồng quản trị xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn được tổ chức ngày 15 tháng 04 năm 2022 các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Nhân sự

Trong năm 2021 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự, theo đó nhân sự trong HĐQT năm 2021 như sau:

- Ông Đặng Thành Tâm Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Cẩm Phương Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Tài chính và Quyền Kế toán trưởng
- Bà Hồ Thị Kim Oanh Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thanh Thái Thành viên HĐQT

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 34 cuộc họp, trong đó 4 lần họp định kỳ hàng quý và 30 cuộc họp bất thường khi Công ty phát sinh các nội dung cần được HĐQT thông qua. Các cuộc họp HĐQT đều tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

3. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 43 Nghị quyết/Quyết định HĐQT

liên quan đến các công tác tổ chức đại hội cổ đông, chuyển nhượng cổ phiếu, vay vốn tại các tổ chức tín dụng, góp vốn thành lập các công ty con công ty liên kết và thông qua giao dịch với các bên liên quan của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Chi tiết các Nghị quyết/Quyết định đã được báo cáo đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty được đăng trên website Công ty ngày 28/01/2022.

4. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

- BDH Công ty đã thực hiện tốt chức năng điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT.
- Báo cáo thực hiện định kỳ về tình hình kinh doanh, tài chính của Công ty. Báo cáo hàng quý trong các cuộc họp HĐQT.
- Đề nghị, ban hành quy chế, chế độ đối với người lao động. Giám sát việc thực hiện nghiêm chỉnh quy chế lao động, đồng thời đảm bảo chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, nâng cao quyền lợi của người lao động
- HĐQT đánh giá cao năng lực lãnh đạo, điều hành của BDH công ty. Năm 2021 tuy gặp nhiều khó khăn khi tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh nhưng BDH Công ty đã rất chủ động, linh hoạt và sáng tạo để giải quyết khó khăn, thực hiện mục tiêu chung vì hiệu quả kinh doanh của công ty.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, thù lao Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	0	0	0
Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	117,000,000	0	0

Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên HĐQT	117,000,000	0	0
Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	117,000,000	0	0
Hồ Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	117,000,000	0	0
Nguyễn Thanh Thái	Thành viên HĐQT	117,000,000	0	0
Tổng cộng		585,000,000	0	0
Tổng cộng đã chi trong năm 2021		585,000,000	0	0

II. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Các giao dịch này đã được báo cáo chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty được công bố thông tin vào ngày 28/01/2022 tại website công ty. Các giao dịch đều được Hội đồng quản trị thông qua bằng các Quyết định tại các cuộc họp bất thường trong năm

- Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Các giao dịch này đã được báo cáo chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty được công bố thông tin vào ngày 28/01/2022 tại website công ty. Các giao dịch đều được thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

III. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN TĂNG VỐN

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, đại hội đã thông qua việc tăng vốn cho Công ty bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và riêng lẻ và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc chi tiết. Theo đó HĐQT xin có báo cáo đến các cổ đông tiến độ thực hiện công việc như sau:

- Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1

Do năm 2021 vừa qua tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp và đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của việc tăng vốn. Theo đó đến tháng 10.2021 ngay sau khi kết thúc giai đoạn phong tỏa và có thể hoạt động lại bình thường, công ty đã tiến hành nộp hồ sơ đến UBCKNN như sau:

- Ngày 18/10/2021 HĐQT thông qua phương án và bộ hồ sơ tăng vốn để nộp lên UBCKNN lần đầu
- Ngày 11/11/2021 Công ty nhận được CV số 7379/UBCK-QLCB Của UBCKNN yêu cầu giải trình và bổ sung hồ sơ
- Ngày 18/12/2021 HĐQT thông qua phương án và bộ hồ sơ tăng vốn để nộp lên UBCKNN lần 2
- Đến thời điểm hiện tại, UBCKNN đang tiến hành xử lý hồ sơ và dự kiến sẽ phản hồi lại kết quả của đợt tăng vốn cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 trong quý 2.2022

IV. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Trong năm 2021, các Tiểu ban mới được thành lập nên chưa có nhiều hoạt động. Các hoạt động chính nằm trong việc tham mưu, góp ý, giám sát các kế hoạch kinh doanh năm 2021 của các đơn vị thành viên và công ty mẹ, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị xin báo cáo đến ĐHĐCĐ như sau:

1. Tiểu ban Tài chính

- Tham mưu các bản kế hoạch kinh doanh trong năm 2021 của các đơn vị khi tình hình kinh doanh biến động liên tục do đại dịch COVID-19.
- Tổ chức các buổi họp với các bên tư vấn, đối tác cho việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Thực hiện công tác đánh giá các báo cáo nghiên cứu khả thi cho các dự án hiện hữu và các dự án phát triển mới.
- Thực hiện việc cải tiến cách thức hoạt động của bộ phận Tài chính – Kế toán nhằm nâng cao thực hành quản trị.

2. Tiểu ban Chính sách Phát triển

- Đề ra phương án, giải pháp phát triển hoạt động quản trị kinh doanh của Công ty thông qua chiến lược chuyển đổi số.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp (Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi).

- Cải tiến các quy trình theo mẫu ISO cũ.
- Thực hiện các công tác hoạt động xã hội.
- Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá KPI.
- Chỉ đạo giám sát các hoạt động quản lý môi trường.
- Thành lập Ban dự án “Chuyển đổi số” quản lý doanh nghiệp, Ban hoạt động Xã hội – Cộng đồng, và Ban phát triển bền vững.
- Ban hoạt động Xã hội – Cộng đồng cùng Ban Điều hành thành lập Ban phòng chống dịch COVID-19.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Để đảm bảo hoạt động của công ty được duy trì ổn định và đem lại hiệu quả cao, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2022 sẽ tập trung vào việc chỉ đạo, xem xét, phê duyệt và giám sát các vấn đề sau:

1. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

- **Về kế hoạch kinh doanh – tài chính**

- Tiếp tục thực hiện giám sát, phê duyệt các kế hoạch kinh doanh của Ban TGD trong hoạt động của SGT và các đơn vị thành viên.
- Lập các phương án cân đối dòng tiền, huy động nguồn vốn, xây dựng phương án tài chính phù hợp, cân đối với các hoạt động đầu tư và thanh toán các khoản nợ tới hạn.
- Giám sát việc triển khai các dự án mà Công ty đang có kế hoạch đầu tư
- Tiếp tục triển khai các hoạt động đầu tư đối với các dự án đã được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư
- Thực hiện triển khai lên kế hoạch đầu tư, mô hình tổ chức, tiến độ thực hiện, chuẩn bị nguồn lực tài chính cho các dự án Bất động sản chuẩn bị triển khai trong năm 2022

- **Về quản lý:**

Thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh chặt chẽ, sử dụng chi phí một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- **Về nhân sự - lao động**

- Hoàn thiện tái cơ cấu bộ máy nhân sự, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp,

có năng lực và giàu kinh nghiệm; đảm bảo đời sống người lao động được nâng cao, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty.

- Phát triển chính sách lương thưởng, nâng cao chế độ đãi ngộ cho CBNV, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thoải mái, khuyến khích sự sáng tạo của nhân viên.

2. Kế hoạch hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

• Tiểu ban tài chính

- Giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022 đề ra.
- Định hướng các quyết định kinh doanh, đầu tư M&A và các hoạt động liên quan đến tài chính công ty.
- Theo dõi, giám sát, đốc thúc trong việc triển khai các phương án phát hành cổ phiếu
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định về Tài chính – Kế toán.
- Làm giàu các năng lực mới của công ty qua việc tổ chức các khóa đào tạo: Năng lực quản trị rủi ro, năng lực quản trị chất lượng,...
- Phối hợp với Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trong việc soát xét và thẩm định báo cáo tài chính.

• Tiểu ban Chính sách phát triển

- Tiếp tục phối hợp với các phòng ban để triển khai kế hoạch chuyển đổi số.
- Triển khai và truyền thông văn hóa doanh nghiệp bao gồm Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi và các mục tiêu chính sách phát triển dài hạn.
- Giám sát các phòng ban trên các chỉ tiêu đánh giá KPIs/OKRs.
- Cập nhật cho Ban Lãnh đạo về các thay đổi trong kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh,...
- Đánh giá chất lượng của các hoạt động tư vấn.
- Chỉ đạo giám sát các hoạt động về quản lý môi trường.
- Chỉ đạo xây dựng các chính sách đãi ngộ dành cho CBNV: Chính sách nghỉ mát, Chính sách phát hành cổ phiếu ESOP, Chính sách rèn luyện sức khỏe, Chính sách đào tạo kỹ năng, Chính sách luân chuyển cán bộ...

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc HĐQT trong năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

Kính trình Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG THÀNH TÂM



20 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Kính thưa Quý Cổ đông,

Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) hân hạnh được chào đón Quý vị cổ đông đến tham dự Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2022 của Công ty.

Kính thưa Quý vị, năm 2021 SAIGONTEL tiếp tục đạt duy trì các hoạt động trong lĩnh vực truyền thông là dịch vụ viễn thông, đồng thời đây cũng là năm tạo tiền đề cho việc phát triển các dự án bất động sản của Công ty. Sau đây đại diện Ban Điều hành xin được báo cáo với các Quý cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Vào thời điểm 31/12/2021, vốn cổ đông thực góp là 740,019,140,000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2021 đạt 4,416.7 tỷ đồng, bằng 75% so với thời điểm 01/01/2021.

Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty là 710.5 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 84.75 tỷ đồng. Doanh thu năm 2021 bằng 147.3% so với năm 2020 và so với kế hoạch đã đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã đạt được 74.8% kế hoạch về doanh thu. Về lợi nhuận, trong năm 2021 lợi nhuận trước thuế của SAIGONTEL đạt 84.75 tỷ, tăng 223% so với năm 2020 và bằng 56.5% kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm.

Sở dĩ trong năm 2021, Công ty chưa đạt được kế hoạch đã đề ra về doanh thu và lợi nhuận là do Công ty tập trung triển khai các dự án nên chi phí phát sinh nhiều cùng với ảnh hưởng của dịch bệnh nên một số dự án triển khai chậm hơn kế hoạch nên chưa ghi nhận được doanh thu và lợi nhuận đặt ra tại Đại hội năm 2021.

2. Đánh giá chi tiết hoạt động SXKD

Trong năm 2021, công ty tiếp tục phát triển 03 mảng kinh doanh chính như sau:

a) Viễn thông và Công nghệ Thông tin

Trong năm 2021, Công ty vẫn duy trì hoạt động ở lĩnh vực Viễn Thông và Công nghệ thông tin với hoạt động *Cung cấp dịch vụ hạ tầng đường truyền trong nước và quốc tế*, doanh thu đạt 62,51 tỷ chiếm 12,6% tổng doanh thu năm 2021 của SAIGONTEL và lợi nhuận gộp đạt 25,1 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu là 40,2%. Mạng dịch vụ hạ tầng và đường truyền trong năm 2021 tiếp tục tập trung phát triển hệ thống hạ tầng và khách hàng tại các KCN như Đại Đồng Hoàn Sơn, Trảng Duệ, Quang Châu, Quế Võ. Đồng thời với mạng kênh truyền quốc tế, Công ty đã ký kết được các hợp đồng lớn cung cấp đường truyền IPLC, IPTransit, kênh thuê riêng, VOID,...

b, Bất động sản

Trong năm 2021, tỷ trọng của lĩnh vực kinh doanh bất động sản của SAIGONTEL vẫn tiếp tục được duy trì ổn định như các năm trước, đóng góp 32,2% tổng doanh thu, đạt 228,4 tỷ đồng và lợi nhuận gộp 85,75 tỷ đồng, đến từ 2 hoạt động kinh doanh chính là Bất động sản Khu công nghiệp và Bất động sản cao tầng:

- **Mạng Bất động sản Khu công nghiệp** là lĩnh vực truyền thống và chủ đạo của SAIGONTEL kể từ khi thành lập đến nay, với việc kinh doanh và vận hành KCN Đại Đồng Hoàn Sơn GD1, hiện vẫn luôn đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho công ty. Trong năm 2021, bên cạnh hai hoạt động chủ yếu là thuê đất dài hạn và cho thuê nhà xưởng - văn phòng, Công ty đã đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ tại KCN. Theo đó doanh thu của khối bất động sản khu công nghiệp đạt được 110 tỷ với tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 60% doanh thu.

- **Mạng Bất động sản cao tầng**, hiện SAIGONTEL đang sở hữu tòa nhà ICT tại Công viên phần mềm Quang Trung với 8 tầng cho thuê có tỷ lệ lấp đầy đạt 100%, doanh thu ghi nhận ổn định hàng năm là 20,3 tỷ đồng. Cũng trong năm 2021, Công ty cũng đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với dự án ICT2 liền kề ICT1 và hoàn thành phần móng cọc của tòa nhà, dự kiến năm 2022 sẽ tiến hành khởi công xây dựng và cho thuê vào năm 2023.

Đồng thời, trong năm 2021 SAIGONTEL cũng đã hoàn thành việc thi công xây dựng và đã bán được đến 80% đối với dự án SAIGONTEL CENTRAL PARK tại Bắc Giang, doanh thu ghi nhận 97,7 tỷ đồng chiếm 38% tổng doanh thu dự kiến toàn dự án.

- **Mạng thi công xây dựng:** với việc triển khai xây dựng dự án tại Khu nhà ở xã hội Bàu Tràm giai đoạn 1. Trong năm 2022, SGT đã ghi nhận doanh thu 184,9 tỷ và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 2% cho hoạt động này

c, Dịch vụ tư vấn phát triển và quản lý dự án: là lĩnh vực phát triển mới trong năm 2021. Với năng lực và kinh nghiệm thực tế trong việc triển khai thực hiện các dự án bất động sản, khu công nghiệp, nhà ở và các sản phẩm bất động sản khác nên đã cung cấp dịch vụ tư vấn và phát triển dự án cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Hoạt động này trong năm đã ghi nhận doanh thu 149 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp bằng 15% doanh thu

d, Dịch vụ khác: dịch vụ kinh doanh xăng dầu và phát triển điện năng lượng áp mái, tuy doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu SGT nhưng các dịch vụ này cũng góp phần hoàn thiện hệ sinh thái tại các Khu công nghiệp mà SGT và tập đoàn SGI đang sở hữu

3. Đánh giá về việc triển khai các dự án

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, trong năm 2021 SAIGONTEL cũng tập trung phát triển các dự án Khu công nghiệp, đô thị mới. Tuy chưa ghi nhận được doanh thu, lợi nhuận nhưng với việc được cấp chứng nhận đầu tư các dự án mới này, trong các năm sau khi đưa vào triển khai, doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tăng trưởng rất lớn. Các dự án SAIGONTEL đã được cấp chứng nhận đầu tư trong năm 2021 bao gồm:

- Cụm Công Nghiệp Tân Phú 1, Phố Yên, Thái Nguyên: Quy mô 74.5 ha với tổng mức đầu tư 496 tỷ
- Cụm Công Nghiệp Tân Phú 2, Phố Yên, Thái Nguyên: Quy mô 56.5 ha với tổng mức đầu tư 403 tỷ
- Cụm Công Nghiệp Lương Sơn, Sông Công, Thái Nguyên: Quy mô 34.53ha với tổng mức đầu tư 301 tỷ
- Khu công nghiệp Nam Tân Tập, Cần Giuộc, Long An: Quy mô 244.74ha với tổng mức đầu tư 2,590 tỷ

4. Các sự kiện nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2021

- Tháng 1/2021 SAIGONTEL ký kết tài trợ lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tài trợ thực hiện chuyển đổi sở cho tỉnh Long An và Thái Nguyên.
- Ngày 25/01/2021 SAIGONTEL và SMBL đã tổ chức Lễ ký kết hợp tác chiến lược trong kế hoạch thu hút đầu tư Hàn Quốc vào các khu công nghiệp, khu công nghệ cao mà SAIGONTEL đầu tư tại Việt Nam
- Ngày 13/04/2021 SAIGONTEL khởi công dự án Nhà Ở Xã Hội Ori Garden" do Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng (SDN) làm chủ đầu tư và Công ty CP Đầu tư và Phát triển

- Đô thị Sài Gòn (SGU) - công ty thành viên thuộc hệ sinh thái của Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) - làm đơn vị phát triển dự án.
- Ngày 15/04/2021 SAIGONTEL nhận quyết định thành lập thành lập 3 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Cụm công nghiệp Tân Phú 2, Cụm công nghiệp Lương Sơn – thành phố Sông Công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
 - Ngày 14/05/2021 SAIGONTEL ký kết biên bản ghi nhớ tài trợ phát triển hạ tầng và lễ ký kết hợp đồng tài trợ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
 - Ngày 22/09/2021, Công ty con của SAIGONTEL là Công ty TNHH Saigontel Long An nhận chứng nhận đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Tân Tập.
 - Ngày 22/09/2021, SAIGONTEL & KBC ký kết với tập đoàn Quantum (Mỹ), thu hút đầu tư 30 tỷ USD vào Việt Nam
 - Ngày 11/12/2021 UBND tỉnh Thái Nguyên và Liên minh Công nghệ Saigontel - NGS đã chính thức khai trương nền tảng công dân số đầu tiên của tỉnh - ứng dụng "ThaiNguyen ID
 - Ngày 17/12/2021 SAIGONTEL và công ty Ecologic Engineering đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư Việt Nam - Ấn Độ trong lĩnh vực phát triển hạ tầng, công nghiệp và đổi mới sáng tạo với trị giá đầu tư lên đến 4 tỷ USD

5. Tình hình tài chính

a) Vốn chủ sở hữu và Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vốn góp của chủ sở hữu trong năm 2021 là 740.019.140.000 đồng và lãi cơ bản trên cổ phiếu là 923 đồng/cổ phiếu.

b) Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.76	1.43
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.25	0.97

Trên đây là báo cáo tổng kết của Ban Điều hành về một số chỉ tiêu đã đạt được trong năm 2021, kính trình Đại hội Cổ đông Thường niên xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, chúng tôi xin gửi đến quý vị đại biểu, quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cẩm Phương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính thưa Quý Cổ đông,

Theo báo cáo tình hình kinh doanh 2021, dù doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được kế hoạch đề ra do nhiều yếu tố bất khả kháng trong năm 2021 nhưng so với năm 2020 SAIGONTEL vẫn đạt được sự tăng trưởng 45.9% về doanh thu và 223% về lợi nhuận. Với sự nỗ lực và tập trung cao độ của Ban Điều hành và sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

Năm 2022, SAIGONTEL tiếp tục đi theo chiến lược kinh doanh với định hướng phát triển mô hình “công nghiệp – đô thị - dịch vụ” với các mục tiêu cụ thể như sau:

1.1. *Bắt động sân Khu công nghiệp*

Trong năm 2022, SAIGONTEL công ty mẹ sẽ tiếp tục triển khai các Khu công nghiệp hiện hữu bao gồm:

- KCN Đại Đồng Hoàn Sơn - Giai Đoạn 2: Hoàn thiện công tác đền bù GPMB, san lấp và đưa vào khai thác từ Quý 4.2022. Dự kiến trong năm 2022 SAIGONTEL sẽ cho thuê 40ha diện tích tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn – Giai đoạn 2 và sẽ ghi nhận được 1,025 tỷ doanh thu.
- Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 tại Phổ Yên, Thái Nguyên: 2 cụm công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng quy mô là 131 ha, tổng vốn đầu tư 900 tỷ đồng, trong năm 2022 sẽ tiến hành đền bù GPMB và thi công san lấp. Dự kiến có thể đủ điều kiện bán hàng từ Q4.2022 và dự kiến ghi nhận được doanh thu 550 tỷ trong năm 2022.
- Cụm công nghiệp Lương Sơn, Sông Công, Thái Nguyên: cụm công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với quy mô 34.53 ha, tổng vốn đầu tư 302 tỷ đồng, trong năm 2022 sẽ tiến hành đền bù GPMB và thi công san lấp. Dự kiến có thể đủ điều kiện bán hàng từ cuối năm 2022 và có thể ghi nhận doanh thu từ năm 2023
- Dự án Saigon ICT Tower 2 - Công Viên Phần Mềm Quang Trung: Tập trung đẩy mạnh việc thi công hoàn thiện sau khi đã hoàn thành phần móng và cọc, dự kiến sẽ đưa vào khai thác trong Quý 1.2023. Sau khi bàn giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến từ năm 2023 sẽ tạo ra nguồn doanh thu đều đặn cho SAIGONTEL

Bên cạnh các KCN của Công ty mẹ, tại các Công ty con và công ty liên kết trong năm 2022 cũng sẽ tập trung triển khai các KCN đã hoàn thiện về pháp lý bao gồm:

- Dự án nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với quy mô 14,9 ha, tổng vốn đầu tư 600 tỷ đồng, dự kiến sẽ xây dựng 14 nhà xưởng có diện tích từ 2.400m² – 9.800m², 14 văn phòng có diện tích từ 300-720m² và đưa vào khai thác từ Q4.2022.
- Khu công nghiệp Nam Tân Tập, Cần Giuộc, Long An: Dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư cho công ty con của SAIGONTEL là Công ty TNHH Saigontel Long An (SLA) với quy mô 244.74 ha, tổng vốn đầu tư 2,590 tỷ đồng. Trong năm 2022 sẽ đẩy nhanh việc đền bù GPMB và thi công san lấp để có thể bắt đầu đưa vào khai thác trong năm 2023. Song song với việc triển khai KCN Nam Tân Tập, SLA cũng đã được cấp chứng nhận đầu tư cho Khu Tái định cư Nam Tân Tập với quy mô 22.37ha, tổng vốn đầu tư 398 tỷ đồng nhằm sắp xếp chỗ ở tái định cư cho người dân giúp đẩy nhanh việc đền bù GPMB tại KCN.
- Khu công nghiệp Tân Tập, Cần Giuộc, Long An: Dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư cho công ty liên kết của SAIGONTEL là Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát Triển Long An với quy mô 654 ha, tổng vốn đầu tư 9,910 tỷ đồng. Trong năm 2022 sẽ tiến hành hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan và bắt đầu tiến hành đền bù GPMB.

Cùng với việc triển khai các Khu công nghiệp đã hoàn thiện pháp lý, trong năm 2022 SAIGONTEL sẽ tiếp tục hoàn thiện pháp lý cho các dự án KCN như KCN Phú Bình, 100ha nhà xưởng tại Khu kinh tế Quảng Yên tại Quảng Ninh. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu tại các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Đồng Nai với các mô hình mới như Khu kinh tế chuyên biệt, Khu công nghiệp sinh thái, Trung tâm đổi mới sáng tạo,...

1.2. Bất động sản đô thị

Trong năm 2022, SAIGONTEL sẽ tiếp tục triển khai các khu đô thị và bất động sản cao tầng tại Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết như sau:

- Khu đô thị Nam Vũng Tàu có quy mô 69,46 ha với sản phẩm gồm 142 căn biệt thự, 973 căn shophouse, 360 căn nhà phố liền kề, 73 căn nhà ở tái định cư và 1,336 căn hộ chung cư NOXH cùng hệ thống trung tâm thương mại, trường học, y tế và các công trình công cộng, tiện ích hiện đại

- Khu dân cư 47.3 ha tại KCN Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp.HCM liên kết với Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc
- Chung cư Saigontel Central Park tại Bắc Giang đã hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu và bàn giao căn hộ trong năm 2021. Trong năm 2022, SAIGONTEL sẽ bán hết 20% số căn hộ còn lại của dự án và hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho khách.
- Nhà ở xã hội Bầu Tràm tại Đà Nẵng đã bán đến 80% giai đoạn 1 trong năm 2021. Trong năm 2022 sẽ tiếp tục triển khai thi công và bán hàng đối với giai đoạn 2 cho 5 tòa NOXH và chung cư với hơn 2,600 căn hộ, 80 căn hộ ở kết hợp kinh doanh và hệ thống tiện ích công cộng như công viên, trường học, khu vực sinh hoạt cộng đồng...
- Tòa nhà chung cư- văn phòng tại 300A-B Nguyễn Tất Thành đã có chứng nhận đầu tư với diện tích lô đất 5.335m² tại vị trí chiến lược tại quận 4, Tp.HCM, cách trung tâm quận 1 chỉ 2km. Trong năm 2022, SAIGONTEL sẽ tập trung đẩy nhanh việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý để có thể tiến hành thi công xây dựng và đây sẽ là nguồn thu lớn cho công ty trong tương lai

Theo đó, trong năm 2022 đối với mảng bất động sản đô thị, SAIGONTEL dự kiến ghi nhận tổng doanh thu 1,200 tỷ và lợi nhuận 100 tỷ. Đồng thời với quỹ đất đô thị nói trên cũng là nguồn thu rất lớn của SAIGONTEL kể từ năm 2023 khi đã bắt đầu có thể triển khai bán hàng.

1.3. Dịch vụ

- Năm 2022, SAIGONTEL tiếp tục duy trì khai thác các gói dịch vụ đường truyền trong các khu công nghiệp thuộc tập đoàn tại thị trường miền Bắc và mở rộng ra các khu tại khu vực miền Trung, miền Nam. Đối với dịch vụ này, từ năm 2023 khi khách hàng tại các KCN mới bắt đầu đi vào hoạt động thì đây sẽ là một nguồn thu lớn và ổn định cho SAIGONTEL.
- Đồng thời trong năm 2022 SAIGONTEL cũng tập trung phát triển thêm mảng chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý và vận hành, trước mắt tập trung triển khai cho các công ty thuộc SGT Group và mở rộng ra các doanh nghiệp trong KCN, kiến tạo KCN sinh thái – thông minh, sau nữa là xây dựng hạ tầng, nền tảng chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025 tại các tỉnh

- Bên cạnh đó, SAIGONTEL cũng tiếp tục mở rộng phát triển các giải pháp năng lượng. Tận dụng tối đa lợi thế hiện có về các khu công nghiệp, SAIGONTEL đã liên doanh với SkyX Solar – thành viên của tập đoàn Vinacapital, nhà cung cấp giải pháp năng lượng điện áp mái để thành lập Công ty Cổ phần SkyX Saigontel mà SAIGONTEL giữ 30% vốn để triển khai việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại các nhà xưởng ở các KCN thuộc Tập đoàn SGI. Trong năm 2022, dự kiến sẽ tập trung phát triển và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái với hơn 5MW tại các nhà xưởng thuộc các khu công nghiệp miền Trung và miền Nam thuộc Tập Đoàn SGI. Đồng thời nghiên cứu khảo sát để phát triển mới 1-2 dự án điện mặt trời mặt đất / điện mặt trời mặt nước tại miền Trung, Đông Nam Bộ và miền Tây.

2. Kế hoạch xúc tiến đầu tư

Trong năm 2022, bên cạnh việc tiếp tục duy trì các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các thị trường truyền thống như Đài Loan, Trung Quốc, Singapore, ... SAIGONTEL có kế hoạch mở rộng việc xúc tiến ra 2 thị trường lớn là Hàn Quốc và Mỹ nhằm thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao. Theo đó SAIGONTEL sẽ tiến hành các hoạt động xúc tiến như sau:

- Ký kết hợp đồng hợp tác với SMBL – Công ty có 15 năm kinh nghiệm trong việc xúc tiến giao thương hai chiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc và là đối tác tin cậy của hơn 4,500 cơ quan chính phủ, doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc – để tiến hành quảng bá về SAIGONTEL và các dự án trên các kênh truyền thông tại Hàn Quốc cũng như tổ chức các chương trình, sự kiện xúc tiến đầu tư với giữa SAIGONTEL với các doanh nghiệp Hàn Quốc
- Ký kết MOU với Tập đoàn Quantum Group thu hút hơn 30 tỷ USD vốn FDI đầu tư vào Việt Nam với chuỗi dự án thuộc nhiều lĩnh vực
- Ký kết MOU với Tập đoàn PIC Group, Inc. để cùng hợp tác triển khai dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn
- Cùng với đó là kế hoạch tổ chức các chuyến xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc và Mỹ trong năm để tìm kiếm các đối tác tiềm năng

3. Kế hoạch thu xếp nguồn vốn

Năm 2022, dự kiến SAIGONTEL sẽ thu xếp nguồn vốn khoảng từ 2000 tỷ đồng đến 2500 tỷ đồng thông qua việc tăng vốn cũng như huy động từ các đối tác chiến lược, vay tín dụng

ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp để tiến hành triển khai các dự án nêu trên và bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho công ty.

4. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022

Với các dự án đang triển khai cùng với nhu cầu thực tế của thị trường đối với các sản phẩm bất động sản khu công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ. Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh của SAIGONTEL trong năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	710.5 tỷ	2,500 tỷ	251.86%
Lợi nhuận trước thuế	84.75 tỷ	300 tỷ	253.98%

Trên đây là báo cáo của Ban Điều hành về kế hoạch kinh doanh trong năm 2022. Kính trình Đại hội Cổ đông Thường niên xem xét, thảo luận và thông qua.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, chúng tôi xin gửi đến quý vị đại biểu, quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cẩm Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ Phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.

Ban Kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn được tổ chức ngày 15 tháng 04 năm 2022 với các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2021. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế của công ty.
- Ban kiểm soát thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng; luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, thù lao của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau

Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Nguyễn Đức Thuận	Trưởng BKS	108,000,000	0	0
Lê Thị Kim Nhung	Thành viên BKS	90,000,000	0	0
Sú Ngọc Bích	Thành viên BKS	90,000,000	0	0
Tổng cộng		288,000,000	0	0
Tổng cộng đã chi trong năm 2021		288,000,000	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung M (028) 3715 9909
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM F (028) 5437 1674

VPDD Miền Nam

12 Phạm Đình Toản,
P.6, Q.3, TP.HCM

VPDD Miền Bắc

193 Trích Sài,
P.Đống, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh

KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn,
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty

- Công ty thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.
- Công tác kế toán tại Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Ban Kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính kế toán trong kỳ.
- Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2021. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Ban Kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2021 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty

Trong năm 2021 Công ty đã đạt được kết quả như sau

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện/Kế hoạch
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	950	710.5	74.8%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	150	84.7	56.5%

- Kết quả sản xuất kinh doanh:
 - Tổng doanh thu năm 2021 Công ty thực hiện 74.8% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 56.50% so với kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2021, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như sau:

- Báo cáo quản trị Công ty của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như công tác chỉ đạo, điều hành Công ty. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban TGD việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua vào tháng 4.2021.
- Ban TGD và các cấp quản lý đã nỗ lực vượt qua những khó khăn thực hiện tốt hơn công tác thị trường, chỉ đạo sát sao công tác sản xuất, trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

1. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị: tham gia thường xuyên các cuộc họp định kỳ của HĐQT, được tham gia đóng góp ý kiến cho các biên bản họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT .
- Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của công ty trong năm.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và các cổ đông

Trong năm 2021 không phát sinh hoạt động giữa Ban Kiểm soát và cổ đông

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện một số các giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các giao dịch này đã được báo cáo chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty. Các giao dịch này đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và công ty và có đầy đủ các hồ sơ chứng từ đi kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2021, các giao dịch nêu trên đã được báo cáo chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty. Các giao dịch này đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và công ty và có đầy đủ các hồ sơ chứng từ đi kèm.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được nêu trong Quy chế hoạt động, Ban Kiểm soát sẽ thay mặt các cổ đông để theo dõi, thẩm định các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2022, BKS tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chức năng của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông danh sách các Công ty Kiểm toán sau:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
 - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trên đây là báo cáo năm 2021 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng kính chào.

TM. BAN KIỂM SOÁT



LÊ THỊ KIM NHUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH 01

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Các Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua một số nội dung như sau:

I. VẤN ĐỀ 1: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính trình ĐHCĐ thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

II. VẤN ĐỀ 2: THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính trình ĐHCĐ thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

III. VẤN ĐỀ 3: THÔNG QUA BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022.

Kính trình ĐHCĐ thông qua Báo cáo hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

IV. VẤN ĐỀ 4: THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2021 VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH – AISC



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website: <http://www.saigontel.vn> ngày 25/03/2022 bao gồm:

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- (6) Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VND)
1	Tổng tài sản	4,365,182,517,771
2	Vốn chủ sở hữu	832,835,746,132
	Trong đó:	
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	92,819,706,132
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	510,587,622,104
4	Tổng chi phí ^(*)	428,028,334,144
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	82,559,287,960
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68,024,552,600

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VND)
1	Tổng tài sản	4,416,748,260,555
2	Vốn chủ sở hữu	1,042,526,406,984
	Trong đó:	
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	92,436,592,726
2.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	210,073,774,258
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	710,545,724,992

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
4	Tổng chi phí ^(*)	626,742,300,727
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	84,745,343,672
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69,813,439,132

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học Thành phố Hồ Chí Minh – AISC

V. VẤN ĐỀ 5: THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2022

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
- (2) Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- (4) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- (5) Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- (6) Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- (7) Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.
- (8) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

VI. VẤN ĐỀ 6: THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT CỦA CÔNG TY

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021: 873,000,000 đồng – trong hạn mức 1,200,000,000 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua

Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và các Tiểu ban thuộc HĐQT năm 2022 dự kiến:

- Tổng chi phí thù lao HĐQT và BKS: 1,200,000,000 đồng/năm
- Tổng chi phí thù lao các tiểu ban thuộc HĐQT: 500,000,000 đồng/năm

VII. VẤN ĐỀ 7: THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Tính đến thời điểm 31/12/2021, căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Tổng Doanh thu năm 2021	710,545,724,992 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	69,813,439,132 đồng
<i>Trong đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>68,276,045,666 đồng</i>

Theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ:

Tổng Doanh thu năm 2021	510,587,622,104 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021	68,024,552,600 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021	92,819,706,132 đồng

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của SGT hầu hết dựa vào năng lực tài chính nội tại của doanh nghiệp và từng bước đưa SGT từ lỗ lũy kế hơn 300 tỷ vào năm 2013 đến hết năm 2021 đã có lợi nhuận lũy kế hơn 92 tỷ. Để tiếp tục phát triển, hiện SAIGONTEL đã và đang triển khai rất nhiều các dự án nên nhu cầu vốn trong năm 2022 là rất lớn.

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận tích lũy chưa phân phối để tái đầu tư, bổ sung vào vốn lưu động cho Công ty và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc sử dụng nguồn lợi nhuận tích lũy chưa phân phối trên vào các kế hoạch thanh toán nợ, đầu tư, kinh doanh tùy vào từng thời điểm nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐANG THÀNH TÂM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH 02

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua một số nội dung như sau:

VIII. VẤN ĐỀ 8: THÔNG QUA VIỆC THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

1. Nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh phù hợp với pháp luật về đầu tư, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ bỏ và sửa đổi chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh quy định tại Điều 4 Điều lệ hiện hành như sau:

- a. Bỏ các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	Lý do bỏ
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn; Bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hoá lỏng (Không hoạt động tại trụ sở)	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14
7912	Điều hành tua du lịch	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14

	Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	
0220	Khai thác gỗ	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14

b. Sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh sau:

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
5229	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>). - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. <p>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).</p>	<p>Thêm chi tiết trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>.</p>
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	Thêm chi tiết trừ <i>thuốc lá và xì gà, sách, báo và</i>

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
	Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải
4912	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	Thêm phần chi tiết trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đạc	Thêm phần chi tiết trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và	Thêm phần chi tiết trừ thuốc lá và xì gà, sách,

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
	<i>tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i>	<i>báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</i>
6312	Công thông tin <i>(trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức)</i> Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	Thêm phần chi tiết <i>trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức</i>
4311	Phá dỡ <i>(trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)</i>	Thêm phần chi tiết <i>trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ</i>
4312	Chuẩn bị mặt bằng <i>(không sử dụng mìn, thuốc nổ)</i>	Thêm phần chi tiết <i>không sử dụng mìn, thuốc nổ</i>
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>(trừ động vật quý hiếm)</i> <i>(không hoạt động tại trụ sở)</i>	Thêm phần chi tiết <i>trừ động vật quý hiếm</i>
3811	Thu gom rác thải không độc hại <i>(không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)</i>	Thêm phần chi tiết <i>không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình</i>
3812	Thu gom rác thải độc hại	Thêm phần chi tiết <i>không hoạt động trong</i>

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Ghi chú
	<i>(không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)</i>	<i>ngành thu gom rác từ hộ gia đình</i>
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa <i>(trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</i>	Thêm phần chi tiết trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải

2. Sửa đổi nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn liên quan đến việc bỏ và sửa đổi chi tiết các ngành, nghề kinh doanh như trên.

Ngành, nghề kinh doanh Công ty sau khi thay đổi: đính kèm

Đại hội đồng cổ đông giao cho Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông đến trước ngày 30/06/2022.

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với kết quả hồ sơ đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG THÀNH TÂM





PHỤ LỤC 01:

Ngành nghề kinh doanh Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn sau khi thay đổi:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)	1104
2	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).	1820
3	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
4	Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế	5320
5	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5630
7	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
8	Hoạt động viễn thông khác	6190

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng)	
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học, Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
12	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
13	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
14	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
16	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.	4651
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin - Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.	4652 (Chính)
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.	4659
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
21	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
22	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9511
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	
24	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)	6499
25	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	6810
27	Quảng cáo	7310
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
33	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
34	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
35	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
36	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
37	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
38	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
39	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
40	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
41	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
42	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
43	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
44	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
45	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
46	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
47	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
48	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
49	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
50	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
51	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
52	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
53	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
55	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
57	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
58	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
59	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
60	Dịch vụ đóng gói	8292
61	Đào tạo sơ cấp	8531
62	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
63	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
64	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
65	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
66	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
67	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng, Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ Thiết kế cấp	7110

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đầu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	
68	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69	Cho thuê xe có động cơ	7710
70	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
72	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
73	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
74	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
75	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
76	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
77	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
80	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	
81	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82	Đại lý du lịch	7911
83	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
85	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512
86	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	3700
87	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
88	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
89	Tái chế phế liệu	3830
90	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
91	Xây dựng nhà để ở	4101
92	Xây dựng nhà không để ở	4102

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
93	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
96	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	4299
99	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải). - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển;	5229

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	
100	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5012
101	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4912
102	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đạc	4933

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
103	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	5022
104	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
105	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)	4311
106	Chuẩn bị mặt bằng (không sử dụng mìn, thuốc nổ)	4312
107	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	4620
108	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3811
109	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3812
110	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4610

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH 03
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Kính gửi Quý Cổ đông! Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng tới các Quý Cổ đông. Như đã thông tin ở Báo cáo HĐQT, do tiến độ tăng vốn bị ảnh hưởng bởi Đại dịch COVID-19 nên HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) xem xét và thông qua việc điều chỉnh một số nội dung phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi phương án chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 để phù hợp với tình hình thực tế như sau:

VẤN ĐỀ 9: THÔNG QUA VIỆC ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU VÀ THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN RIÊNG LẺ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỀ TĂNG VỐN

Việt Nam đang nổi lên như là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu dịch chuyển hoạt động sản xuất công nghiệp. Với kinh nghiệm phát triển các khu công nghiệp trong nhiều năm, Công ty đang có nhiều dự án đã đạt được các phê duyệt cần thiết về mặt pháp lý, mở ra rất nhiều cơ hội kinh doanh cho Công ty, cần phải tranh thủ nắm bắt để nâng tầm Công ty phát triển lên một tầng cao mới, mang lại lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Tuy nhiên, trước bối cảnh đó, nguồn vốn hiện tại của Công ty lại không đáp ứng đủ. Để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chức năng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, các quỹ đầu tư v.v phải đảm bảo yêu cầu về quy mô vốn điều lệ, giá trị vốn hóa trong hoạt động đầu tư - kinh doanh, nhằm mở rộng thị trường và thực hiện hàng loạt các dự án quy mô lớn.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi phương án chào bán thêm cổ phiếu theo phương thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

II. KẾ HOẠCH CHÀO BÁN

1. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi điều chỉnh

1.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
5.	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	740.019.140.000 đồng
6.	Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>)

		Trong đó: <i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu);</i> <i>Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).</i>
7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 74.001.604 cổ phiếu
8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá)	: Tối đa 740.016.040.000 đồng
9.	Tỷ lệ thực hiện quyền	: 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới)
10.	Đối tượng chào bán	: Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thực hiện phương án chào bán và triển khai phương án chào bán thành công.
11.	Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
12.	Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có)	: Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ (i) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc (ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.
13.	Chuyển nhượng quyền	: Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình

	mua		cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).
14.	Hạn chế chuyển nhượng	:	Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Chỉ phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua; Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước; Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài; HĐQT có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.
16.	Thời gian thực hiện	:	Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong quý II/2022 & quý III/2022.

1.2 Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	40.016.040.000

2	Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty	700.000.000.000
Tổng cộng		740.016.040.000

1.3 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu trên bao gồm:

- Quyết định chi tiết nội dung phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan về mục đích, phương án sử dụng vốn này (nếu có).
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phần sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn; thay đổi Giấy phép hoạt động, sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành theo phương án ở trên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ sau khi thay đổi

2.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

1.	Cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
2.	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	SGT
4.	Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
5.	Số lượng cổ phiếu đang	:	74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không</i>

	niêm yết (tại thời điểm ĐHĐCĐ thông qua phương án)	<p><i>trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>)</p> <p>Trong đó</p> <p>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu</i>)</p> <p>Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (<i>Ba trăm mười cổ phiếu</i>)</p>
6.	Phương thức chào bán	: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
7.	Mục đích chào bán	<p>: Việc chào bán cổ phần phổ thông của Công ty là cần thiết nhằm giúp Công ty có thêm nguồn vốn để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; - Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty; - Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và triển khai phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp mục đích chào bán được phê duyệt.</p>
8.	Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	: Tối đa 100.000.000 cổ phiếu (Một trăm triệu cổ phiếu), tương ứng 67,56% tổng số cổ phiếu lưu hành (tối đa tại thời điểm sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu).
9.	Tổng giá trị cổ phần chào bán (theo mệnh giá)	: 1.000.000.000.000 đồng (<i>Một nghìn tỷ đồng</i>)
10.	Nguyên tắc xác định giá chào bán	: Căn cứ vào điều kiện hạn chế chuyển nhượng với nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ năm 2022, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá chào bán cụ thể căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với

		các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.
11.	Đối tượng chào bán	: Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Không được là công ty con của SGT.
12.	Số lượng nhà đầu tư	: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
13.	Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính, mong muốn gắn bó và phát triển cùng SGT và đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.
14.	Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến)	: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng. HĐQT được quyền chủ động điều chỉnh danh sách nhà đầu tư tùy theo tình hình thực tế đàm phán và khả năng từng thời điểm của các nhà đầu tư.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án và lựa chọn nhà đầu tư phù hợp để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong thời điểm chào bán.
16.	Hạn chế chuyển nhượng	: Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 36 tháng đối với nhà đầu tư chiến lược và là 12 tháng đối với nhà đầu tư chứng khoán

		chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.
17.	Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết	: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.
18.	Thời gian thực hiện dự kiến	: Trong năm 2022, sau khi kết thúc đợt chào bán tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm tối đa lợi ích cho cổ đông và Công ty
19.	Sửa đổi Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc sửa đổi mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả của đợt chào bán. Thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật hiện hành
20.	Phê duyệt liên quan đến thay đổi số lượng cổ phần lưu hành của Công ty	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng

		<p>ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) theo kết quả của đợt chào bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc đề nghị thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), để đăng ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán. <p>Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Xây dựng phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Quyết định giá chào bán, thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (nếu có chào bán cho các đối tượng này) theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc chào bán theo phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông;
- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG THÀNH TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

(SAIGONTEL)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	13
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	14
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	15
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	15
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 17. Thay đổi các quyền	21
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	35
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	35
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35

Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 34.	Người điều hành Doanh nghiệp.....	36
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	36
Điều 36.	Thư ký Công ty.....	36
IX.	BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 37.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 38.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	37
Điều 39.	Trưởng Ban kiểm soát.....	38
Điều 40.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	38
Điều 41.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 42.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	39
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 43.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 44.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 45.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 46.	Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 47.	Phân phối lợi nhuận.....	42
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	42
Điều 48.	Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 49.	Năm tài chính.....	42
Điều 50.	Chế độ kế toán.....	42
XV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 51.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 52.	Báo cáo thường niên.....	43
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43
Điều 53.	Kiểm toán.....	43
XVII.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
Điều 54.	Dấu của doanh nghiệp.....	43
XVIII.	GIẢI THỂ CÔNG TY.....	44
Điều 55.	Giải thể công ty.....	44
Điều 56.	Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 57.	Thanh lý.....	44
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 58.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 59.	Điều lệ công ty.....	45
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 60.	Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết 02/2022/ĐHĐCĐ-SGT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 15 tháng 04 năm 2022

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sơ giao dịch chứng khoán* là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: SAIGONTEL CORP.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (+848) 3715 9909

- Fax: (84-8) 5437 1074

- E-mail: info@saigontel.com

- Website: www.saigontel.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)	1104
2	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).	1820
3	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
4	Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế	5320
5	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5630
7	Xuất bán phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
8	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng)	6190
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	
12	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
13	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
14	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
16	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.	4651
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin - Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.	4652 (Chính)
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.	4659
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
21	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
22	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9511
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9512

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
24	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)	6499
25	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	6810
27	Quảng cáo	7310
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
32	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
33	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
34	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
35	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
36	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
37	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
38	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
39	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
40	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
41	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
42	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
43	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
44	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
45	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
46	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
47	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
48	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
49	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
50	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
51	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
52	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
53	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
54	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
55	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
57	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
58	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
59	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
60	Dịch vụ đóng gói	8292
61	Đào tạo sơ cấp	8531
62	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
63	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
64	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
65	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
66	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
67	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ. Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đầu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110
68	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69	Cho thuê xe có động cơ	7710
70	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
72	Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
73	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
74	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
75	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
76	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
77	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở)	
80	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
81	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82	Đại lý du lịch	7911
83	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
85	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512
86	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	3700
87	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
88	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
89	Tái chế phế liệu	3830
90	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
91	Xây dựng nhà để ở	4101
92	Xây dựng nhà không để ở	4102
93	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
96	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng	4299

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	
99	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ giao nhận hàng hóa (trừ dịch vụ giao nhận hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải). - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Kinh doanh dịch vụ Logistics. <p>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).</p>	5229
100	<p>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p>	5012
101	<p>Vận tải hàng hóa đường sắt</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p>	4912
102	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải Container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đạc 	4933
103	<p>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p>	5022
104	Cổng thông tin	6312

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
105	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển, và không sử dụng mìn, thuốc nổ trong hoạt động phá dỡ)	4311
106	Chuẩn bị mặt bằng (không sử dụng mìn, thuốc nổ)	4312
107	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm) (không hoạt động tại trụ sở)	4620
108	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3811
119	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động trong ngành thu gom rác từ hộ gia đình)	3812
110	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ các sản phẩm thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)	4610

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thụ lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. *Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 740.019.140.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 74.001.914 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị

phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức (không quá 3 cá nhân, tổ chức) khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban

đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn *30 ngày*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ *33%* tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn *20 ngày* kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức

bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;
- g) Vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/ và Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/ và Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty. 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - h) Tổ chức lại, giải thể công ty.

- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội

đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên ..

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với

chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;

- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2022 tại Khách sạn Rex (Rex Hotel) - 141 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG THÀNH TÂM

PHỤ LỤC 01 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Danh sách kèm theo Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (năm tài chính 2021) thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2022

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Đầu Tư Sài Gòn	20 Phùng Khắc Khoan, phường ĐaKao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	200.000	20.000.000.000	2,97	0303297857	
2	Công ty cổ phần Du Lịch Sài Gòn	11 Tú Xương, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	0,15	0302664670	
3	Công ty cổ phần Phát triển đô thị Kinh Bắc	Khu công nghiệp Quế Võ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	1,49	2300233993	
4	Công ty cổ phần Sản xuất và Phát triển xây dựng Cửu Long	Lô 28, đường C, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	0,22		
5	Công ty cổ phần Xây Dựng Sài Gòn	Lô 9, đường C, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	110.000	11.000.000.000	1,64	0301824593	
6	Đặng Thành Tâm	6/35D Bình Khánh 3, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	370.000	37.000.000.000	5,5	022756956	



7	Đặng Thị Hoàng Phượng	140/11 Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	1,49	022759992
8	Nguyễn Sơn	655 Lê V, Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	300.000	30.000.000.000	4,46	022768266
9	Nguyễn Thị Kim Thanh	90 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	cổ phần phổ thông	295.000	29.500.000.000	4,38	022413084

